

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1994

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Việt Nam: Tổ 56B, khu 6C, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Lầu 11, số 372, đường Trung Hóa (Zhonghua), quận Bali, thành phố Tân Bắc, Đài Loan, Trung Quốc.

Người được chị T ủy quyền nộp đơn khởi kiện, nộp tạm ứng án phí, các chi phí tố tụng và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn BFSC thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: Tổ 20, khu Cao Đại, phường Minh Phương, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện: Ông Phan Quang C – Chức vụ: Giám đốc.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1987

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Việt Nam: Tổ 56B, khu 6C, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T vắng mặt nhưng có quan điểm trình bày: Chị và anh Nguyễn Thế A đăng ký kết hôn ngày 01/02/2013 tại UBND phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không

bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vấn đề kinh tế, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Sau đó chị đi lao động tại Đài Loan, Trung Quốc và hiện nay chưa quay trở lại Việt Nam. Kể từ khi chị T đi lao động tại Trung Quốc vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn, không có sự quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thế A

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương T xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/4/2014 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 30/7/2016. Khi ly hôn chị T nhất trí để anh A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T và cháu N. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh A cho mỗi cháu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng, tổng hai cháu là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/1 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp : Chị T xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Phương T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T chịu theo quy định của pháp luật

Chị T yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Thế A trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Phương T đăng ký kết hôn ngày 01/02/2013 tại UBND phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Ngày 07/10/2019 chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, sau đó được khoảng 2 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh ở nhà chăm sóc hai con nhỏ, chị T ít khi gọi điện về hỏi thăm con, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị T hiện nay vẫn lao động tại Đài Loan, Trung Quốc và hiện nay chưa quay trở lại Việt Nam. Nay chị T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Nguyễn Thế A xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/4/2014 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 30/7/2016. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T và cháu N. Anh không đề nghị chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Anh đề nghị Tòa án không tiến hành lấy lời khai hai con chung của anh chị để tránh ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp : Anh A xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Thế A. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị T, anh A về việc giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/4/2014 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 30/7/2016 cho anh Nguyễn Thế A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị T cùng anh A cho mỗi cháu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng, tổng hai cháu là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/1 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T và anh A xác định không có vì vậy không xem xét giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương T tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm. Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị Phương T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thế A là quan hệ “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong đơn xin ly hôn, chị T trình bày hiện chị T đang sống và làm việc tại Đài Loan, Trung Quốc. Tại văn bản số 28567/QLXNC-P5 ngày 25/11/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận: “Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 28/9/1994, đã xuất cảnh ngày 07/10/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước”. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Thế A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ ngày 01/02/2013. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên tình cảm không còn, hai bên không có sự quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau; do vậy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T và anh A đều thống nhất thuận tình ly hôn. Tòa án xem xét công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Thế A.

Hiện nay chị Nguyễn Thị Phương T đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, Trung Quốc. Chị T có đơn khởi kiện đề ngày 11/8/2021, bản tự khai đề ngày 25/4/2022 gửi từ Trung Quốc về có chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt nam tại Đài Bắc, đơn được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Điều 124 Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó đủ cơ sở khẳng định việc chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Thế A thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện.

[3]. Về con chung: Chị T và anh A xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/4/2014 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 30/7/2016. Khi ly hôn chị T và anh A thống nhất giao cho anh Nguyễn Thế A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, cháu N đến khi con chung thành niên. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh A cho mỗi cháu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng, tổng hai cháu là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/1 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Thế A, việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Phương T là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận. Trong quá trình tố tụng anh A đề nghị Tòa án không tiến hành lấy lời khai của hai con chung để tránh làm ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu. Do vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai của cháu T và cháu N theo quy định.

[4]. Về tài sản chung, công nợ và về công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Thế A đều xác nhận không có. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương T tự nguyện chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 4 Điều 147 ; khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Thế A.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Thế A: Giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/4/2014 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 30/7/2016 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị T cùng anh A cho mỗi cháu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng, tổng hai cháu là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/1 tháng, kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Không ai có quyền cản trở quyền gặp gỡ, thăm nom và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Thế A thống nhất xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm : Chị Nguyễn Thị Phương T tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị Phương T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000037 ngày 26/10/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được Bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND P.N, TP. V;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu Huyền